BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1558 /QĐ-BHXH	*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra, thanh tra liên ngành và thanh tra chuyên ngành năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 05/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-BHXH ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy định công tác kiểm tra của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kiểm tra,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra, thanh tra liên ngành và thanh tra chuyên ngành năm 2016, cụ thể như sau:

1. Nội dung trọng tâm cần tập trung kiểm tra, thanh tra chuyên ngành

a) Kiểm tra, phối hợp kiểm tra, thanh tra liên ngành

- Về quản lý và thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội: Công tác thu; cấp, quản lý và sử dụng sổ bảo hiểm xã hội; công tác thẩm định và giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội; quản lý đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội hàng tháng và chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội;

- Về quản lý và thực hiện chính sách bảo hiểm y tế: Ký kết, thanh lý hợp đồng, giám định, thanh quyết toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT; công tác cấp, quản lý và sử dụng thẻ BHYT;

- Việc tổ chức thực hiện về hướng dẫn tham gia đấu thầu thuốc, quản lý thanh toán chi phí thuốc và quản lý thanh toán chi phí vật tư y tế;

- Việc thực thi công vụ của công chức, viên chức ngành Bảo hiểm xã hội;

- Việc thực hiện các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

b) Thanh tra chuyên ngành

Thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế.

2. Kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra, thanh tra liên ngành và thanh tra chuyên ngành

a) Kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra, thanh tra liên ngành của Bảo hiểm xã hội Việt Nam *(biểu số 01 đính kèm);*

b) Kế hoạch thanh tra chuyên ngành của Bảo hiểm xã hội Việt Nam *(biểu số 02 đính kèm);*

c) Kế hoạch kiểm tra, thanh tra chuyên ngành giao cho Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *(biểu số 03 đính kèm).*

Điều 2. Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố thống nhất với các ngành của địa phương để xây dựng kế hoạch triển khai: Kế hoạch phối hợp kiểm tra liên ngành; Giao kế hoạch kiểm tra đối với Bảo hiểm xã hội quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc (100% chỉ tiêu đại lý thu, đại diện chi trả và tối đa 30% chỉ tiêu về số đơn vị sử dụng lao động được giao); gửi Kế hoạch thực hiện cụ thể về Bảo hiểm xã hội Việt Nam trước ngày 15/01/2016.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Thanh tra Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước (Chuyên ngành 7);
- Thanh tra Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Thanh tra Bộ Y tế;
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT, KT (10).

TỔNG GIÁM ĐỐC

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Minh

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Biểu số 01)

KẾ HOẠCH KIỂM TRA VÀ PHỐI HỢP KIỂM TRA, THANH TRA LIÊN NGÀNH CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-BHXH ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Lào Cai	Ban Kiểm tra	Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Quý I
2	Vĩnh Phúc	Thanh tra Bộ LĐTB&XH	Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;	
3	Bạc Liêu	Ban Kiểm tra	Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Quý II
4	Đồng Tháp	nt	Nt	
5	Hải Phòng	nt	Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam	
6	Khánh Hòa	Thanh tra Bộ LĐTB&XH	Nt	
7	Thừa Thiên Huế	Ban Kiểm tra	Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Thanh tra Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội	Quý III
8	Tuyên Quang	nt	Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	
9	Cà Mau	nt	Nt	
10	Trà Vinh	nt	Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam	

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Biểu số 02)

KẾ HOẠCH THANH TRA CHUYÊN NGÀNH CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1559/QĐ-BHXH ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Phú Thọ	Ban Kiểm tra	Ban Thu	Quý II
2	Hưng Yên	nt	nt	
3	Đăk Nông	Ban Thu	Ban Kiểm tra	
4	Hà Nam	nt	nt	
5	Hòa Bình	Ban Kiểm tra	Ban Thu	
6	Đà Nẵng	Ban Thu	Ban Kiểm tra	Quý III
7	Long An	nt	nt	
8	Thanh Hóa	nt	nt	
9	Quảng Nam	Ban Kiểm tra	Ban Thu	
10	Lạng Sơn	nt	nt	

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Biểu số 03)

KẾ HOẠCH KIỂM TRA PHỐI HỢP KIỂM TRA, THANH TRA LIÊN NGÀNH VÀ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH NĂM 2016 GIAO BẢO HIỂM XÃ HỘI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 158 /QĐ-BHXH ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố	Bảo hiểm xã hội quận, huyện, thị xã	Đơn vị sử dụng lao động			Cơ sở khám, chữa bệnh	Đại lý thu, đại diện chi trả
			Kiểm tra	Thanh tra	Liên ngành		
1	Hà Nội	15	369	246	68	40	175
2	TP. Hồ Chí Minh	12	421	281	78	29	97
3	Cần Thơ	5	94	63	18	8	26
4	Đà Nẵng	4	100	67	19	12	48
5	Hải Phòng	8	105	70	19	17	73
6	An Giang	6	67	45	13	7	47
7	Bà Rịa-Vũng Tàu	4	164	109	30	6	25
8	Bạc Liêu	4	46	31	9	5	46
9	Bắc Cạn	4	46	30	9	6	5
10	Bắc Giang	5	83	56	16	10	53
11	Bắc Ninh	4	80	53	15	8	38
12	Bến Tre	5	62	41	11	6	49
13	Bình Dương	5	197	131	36	17	28
14	Bình Định	6	76	50	14	9	44
15	Bình Phước	6	65	44	12	7	48
16	Bình Thuận	5	66	44	12	7	37
17	Cà Mau	5	52	34	10	6	30
18	Cao Bằng	7	46	31	9	9	12
19	Đắk Lắk	8	62	41	11	9	46
20	Đồng Nai	6	164	110	30	17	51
21	Đắk Nông	4	46	30	9	6	16
22	Đồng Tháp	6	63	42	12	8	32
23	Gia Lai	9	68	45	13	10	38
24	Hà Giang	6	58	39	11	7	9
25	Hà Nam	3	58	39	11	5	32
26	Hà Tĩnh	7	68	45	13	8	39
27	Hải Dương	6	80	53	15	16	76
28	Hậu Giang	4	46	30	9	5	22
29	Hoà Bình	6	67	44	12	7	29
30	Hưng Yên	5	73	48	14	10	48

STT	Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố	Bảo hiểm xã hội quận, huyện, thị xã	Đơn vị sử dụng lao động			Cơ sở khám, chữa bệnh	Đại lý thu, đại diện chi trả
			Kiểm tra	Thanh tra	Liên ngành		
31	Khánh Hoà	4	67	45	12	8	36
32	Kiên Giang	8	46	30	9	9	98
33	Kon Tum	5	51	34	10	7	28
34	Lai Châu	4	46	30	9	5	4
35	Điện Biên	5	53	35	10	6	14
36	Lạng Sơn	6	58	39	11	7	20
37	Lâm Đồng	6	77	52	14	8	36
38	Lào Cai	5	56	38	11	6	11
39	Long An	8	79	53	15	9	86
40	Nam Định	5	80	53	15	10	62
41	Nghệ An	10	108	72	20	16	250
42	Ninh Bình	4	59	40	11	9	46
43	Ninh Thuận	4	61	40	11	6	16
44	Phú Thọ	7	82	54	15	14	83
45	Phú Yên	5	56	38	10	6	86
46	Quảng Bình	4	73	49	14	5	53
47	Quảng Nam	9	61	40	11	12	58
48	Quảng Ngãi	7	78	52	15	9	40
49	Quảng Ninh	7	80	53	15	26	43
50	Quảng Trị	5	63	42	12	7	25
51	Sóc Trăng	6	59	40	11	7	29
52	Sơn La	6	65	44	12	7	14
53	Tây Ninh	5	66	44	12	6	27
54	Thái Bình	4	118	79	22	9	86
55	Thái Nguyên	5	62	41	11	11	45
56	Thanh Hoá	14	119	80	22	22	134
57	Thừa Thiên-Huế	5	88	59	16	10	107
58	Tiền Giang	6	75	50	14	9	99
59	Trà Vinh	5	50	34	9	6	32
60	Tuyên Quang	4	61	40	11	6	43
61	Vĩnh Long	4	54	36	10	6	33
62	Vĩnh Phúc	5	71	48	13	10	41
63	Yên Bái	5	65	44	12	7	5
Tổng cộng		**372**	**5.279**	**3.520**	**983**	**617**	**3.109**

Ghi chú: *Chỉ tiêu kiểm tra, thanh tra chuyên ngành được xây dựng căn cứ biên chế của Phòng Kiểm tra, Phòng Thu, Phòng Khai thác và thu nợ và Phòng Giám định Bảo hiểm y tế.*